

GIÁO DỤC BẢO VỆ HỆ SINH THÁI TỰ NHIÊN VÀ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ CHO SINH VIÊN: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG Á

Đậu Thị Hoà

Trường Đại học Đông Á
Email: hoadt.kdl@donga.edu.vn

Article history

Received: 19/02/2025

Accepted: 23/3/2025

Published: 05/7/2025

Keywords

Environmental protection,
environmental education,
natural ecosystem, wildlife,
Son Tra nature reserve

ABSTRACT

In the context of worsening environmental pollution and degradation, raising awareness and forming behaviors to protect nature, especially for the younger generations, is becoming an important task. This article discusses the issue of natural ecosystems and wildlife protection education for students of the Faculty of Tourism, Dong A University. The study focuses on Son Tra Nature Reserve with a number of specific measures such as integrating environmental protection knowledge into the curriculum, organizing practical experience activities for students, together with propaganda and training programs to raise awareness of ecosystem protection. This study aims to promote environmental protection education for younger generations, creating a foundation for sustainable development and nature conservation in Son Tra Nature Reserve as well as contributing to building a student community with deep awareness of the environment and practical actions to protect precious natural resources.

1. Mở đầu

Bảo vệ môi trường không chỉ là xu hướng toàn cầu mà còn là chủ đề cơ bản của chiến lược phát triển bền vững của hầu hết các quốc gia. Phát triển bền vững được đánh giá thông qua ba phương diện: KT-XH và môi trường; đồng thời, phản ánh sự nỗ lực chung của cộng đồng quốc tế vì mục tiêu nâng cao chất lượng sống cho hiện tại và tương lai (Trần Thị My, 2024). Chiến lược phát triển KT-XH giai đoạn 2021-2030, Đảng đã xác định: “*Phát triển hài hòa giữa kinh tế với văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu*”. Vì thế, công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục cho các tầng lớp nhân dân về bảo vệ môi trường, ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu phải ngày càng được quan tâm. Đặc biệt là giáo dục cho thế hệ trẻ về bảo vệ môi trường, cụ thể hơn là bảo vệ các hệ sinh thái (HST) tự nhiên và động vật hoang dã (ĐVHD) có ý nghĩa to lớn. Sinh viên (SV) là lực lượng quan trọng của xã hội luôn được Đảng, Nhà nước quan tâm hàng đầu. Việc truyền thụ, hình thành và nâng cao năng lực tư duy sáng tạo, trình độ chuyên môn, kỹ năng sống, xây dựng ý thức bảo vệ môi trường cho SV có tầm quan trọng, nhằm phát huy vai trò xung kích của tuổi trẻ trên mọi mặt trận trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (Nguyễn Việt Thanh và cộng sự, 2021).

Bài báo khái quát về thực trạng của các HST tự nhiên và các loài ĐVHD ở Việt Nam, cụ thể hóa ở khu bảo tồn thiên nhiên Sơn Trà thông qua phương pháp nghiên cứu lý thuyết về HST tự nhiên và ĐVHD tại Việt Nam và khu bảo tồn thiên nhiên Sơn Trà bằng các tài liệu, văn bản chính thống, từ đó nghiên cứu và lựa chọn các hình thức và biện pháp giáo dục bảo vệ HST tự nhiên và ĐVHD và đề xuất một số biện pháp cụ thể trong giáo dục bảo vệ khu bảo tồn thiên nhiên Sơn Trà cho SV Khoa Du lịch, Trường Đại học Đông Á.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Sự cần thiết giáo dục bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên và động vật hoang dã cho sinh viên

2.1.1. Thực trạng suy giảm các hệ sinh thái tự nhiên và động vật hoang dã tại Việt Nam

Việt Nam được coi là một quốc gia có tiềm năng lớn về phát triển du lịch sinh thái vì sự đa dạng sinh học với nhiều loài đặc hữu hoang dã, các HST đặc sắc khác nhau và nhiều phong cảnh đẹp. Trong đó, các vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên đã thực sự trở thành “kho báu” của quốc gia, là nơi lưu giữ và bảo vệ đa dạng sinh học, phòng hộ, bảo vệ môi trường, phát triển du lịch sinh thái, góp phần vào sự phát triển bền vững của đất nước (Phạm Hồng Long, 2016). Việt Nam là một quốc gia có tính đa dạng sinh học cao nằm trong điểm nóng đa dạng sinh học Đông Dương-Myanmar của Đông Nam Á (Myers et al., 2000; Dinerstein et al., 2017) thể hiện ở sự đa dạng về các HST tự nhiên, nhất là HST rừng. Các khu rừng ở Việt Nam là nơi cư trú và sinh sống của hầu hết các loài động, thực

vật hoang dã, đồng thời cũng là nơi có đa dạng sinh học cao nhất. Hiện nay tổng diện tích rừng tự nhiên của cả nước là: 10.129.751 ha và 4.730.557 ha rừng trồng, tỉ lệ che phủ toàn quốc là 42,02% (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2024), trong đó rừng tự nhiên được phân bố ở các vùng như sau:

Bảng 1. Diện tích rừng tự nhiên của cả nước và các vùng nước ta năm 2023

(Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2024)

Các vùng kinh tế - sinh thái	Tổng diện tích rừng (ha)	Rừng tự nhiên (ha)	Độ che phủ (%)
Cả nước	14.860.309	10.129.751	42,02
Trung du miền núi Bắc Bộ	5.439.645	3.738.381	54,04
Đồng bằng sông Hồng	489.406	182.225	21,26
Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung	5.621.185	3.777.522	54,23
Tây Nguyên	2.585.700	2.093.587	46,34
Đông Nam Bộ	479.730	258.859	19,60
Đồng bằng sông Cửu Long	244.643	79.178	5,40

Mặc dù có HST tự nhiên đa dạng và phong phú, nhưng trong bối cảnh dân số đông, nhu cầu tiêu thụ tài nguyên sinh vật lớn, các phương thức tiêu thụ dẫn đến việc khai thác quá mức tài nguyên thiên nhiên, khai thác gỗ trái phép, buôn bán trái phép các loài hoang dã, các hoạt động phát triển cơ sở hạ tầng, mở rộng thâm canh nông nghiệp cũng như các hoạt động sản xuất kinh tế khác (Nguyễn Đình Giáp và Đoàn Thị Thu Hương, 2021). Nhiều loài quý hiếm tại Việt Nam đang bị đe dọa trực tiếp bởi việc quản lí trang trại ĐVHD không bền vững, khai thác và buôn bán bất hợp pháp trên quy mô quốc tế (Brooks-Moizer et., 2009, Janssen & Indenbaum 2019, Challender et al., 2020), mất rừng và suy thoái rừng do nông nghiệp mở rộng, đô thị hóa, phát triển cơ sở hạ tầng, gia tăng dân số và quản trị rừng kém hiệu quả (Tuyet, 2001; Van Khuc et al., 2018; Ngo et al., 2020). Các hoạt động săn bắt trái phép, buôn bán ĐVHD, phá hoại môi trường sống, phá rừng, rác thải,... khiến cho các loài động vật trong Sách đỏ Việt Nam cũng như trong công ước CITES (Công ước về Thương mại quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp) đang dần mất đi và có nguy cơ tuyệt chủng (Trần Huy Hoàng và cộng sự, 2024).

2.1.2. Tác động của suy giảm hệ sinh thái tự nhiên và động vật hoang dã đến môi trường và con người

Các nghiên cứu về tác động của suy giảm HST tự nhiên và ĐVHD đều chỉ ra rằng việc phá hủy môi trường sống của động vật gây ra hậu quả nghiêm trọng đối với cả môi trường và sức khỏe con người. Myers và cộng sự (2013) chỉ ra rằng các hoạt động của con người làm thay đổi nhanh chóng các HST tự nhiên, làm mất đi các dịch vụ sinh thái quan trọng và tăng nguy cơ lây lan bệnh truyền nhiễm từ động vật sang người, đồng thời góp phần vào các bệnh liên quan đến biến đổi khí hậu như sốt rét và bệnh đường ruột. Kideghesho và cộng sự (2006) cho rằng nghèo đói và gia tăng dân số đang thúc đẩy sự xâm lấn vào môi trường sống của động vật, làm giảm đa dạng sinh học và gây ra xung đột giữa con người và ĐVHD. Sattar và cộng sự (2021) nhấn mạnh rằng biến đổi khí hậu làm thay đổi nhiệt độ và mùa sinh sản, ảnh hưởng đến sự phân bố và hành vi của động vật, làm gia tăng bệnh tật và sự xâm lấn loài. Những yếu tố này đều góp phần làm suy thoái HST và ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng. Cũng như nhiều quốc gia khác, Việt Nam đang phải đối mặt với tình trạng suy thoái đa dạng sinh học đang diễn ra ngày càng lớn. Hậu quả của việc phá rừng là tình trạng biến đổi khí hậu, hiệu ứng nhà kính làm trái đất nóng dần lên, hạn hán, nước biển dâng cao, ô nhiễm môi sinh, đói kém,...

Tất cả những tác động tiêu cực này đối với con người làm nổi bật tầm quan trọng của việc nâng cao nhận thức cộng đồng, đặc biệt là đối với SV và thanh niên, về vai trò thiết yếu của việc bảo vệ HST tự nhiên và ĐVHD. Trước nguy cơ suy thoái nghiêm trọng của thiên nhiên, sự chung tay, hợp tác của toàn xã hội là điều kiện tiên quyết để bảo vệ và phục hồi các giá trị sinh thái quan trọng, đảm bảo sự bền vững của môi trường sống.

Xây dựng ý thức bảo vệ môi trường cho SV ở các trường đại học có ý nghĩa quan trọng không chỉ với mục tiêu giáo dục toàn diện trong cộng đồng ý thức bảo vệ môi trường, ứng xử văn minh với môi trường, để môi trường ngày một tốt hơn, hữu dụng hơn đối với con người, làm cho quan hệ giữa con người và giới tự nhiên ngày càng thân thiện con người thế hệ mới, mà còn tạo sự lan tỏa xây dựng ý thức bảo vệ môi trường góp phần quan trọng trong việc nâng cao trình độ nhận thức của SV về các nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức môi trường để SV tự điều chỉnh hành vi của chính mình, khắc phục những thói quen xấu làm ảnh hưởng tự nhiên, môi trường, đồng thời, góp phần làm lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng những đức tính tốt đẹp như tình yêu thiên nhiên, tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ môi trường, sống hài hòa, thân thiện với thiên nhiên (Nguyễn Việt Thanh và cộng sự, 2021).

2.2. Hệ sinh thái tự nhiên và động vật hoang dã tại khu bảo tồn thiên nhiên Sơn Trà

Năm 1977, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 41-TTg ngày 24/1/1977 về việc quy định các khu rừng cấm, trong đó công nhận Sơn Trà là khu bảo tồn thiên nhiên (Thủ tướng Chính phủ, 1977). Khu bảo tồn thiên

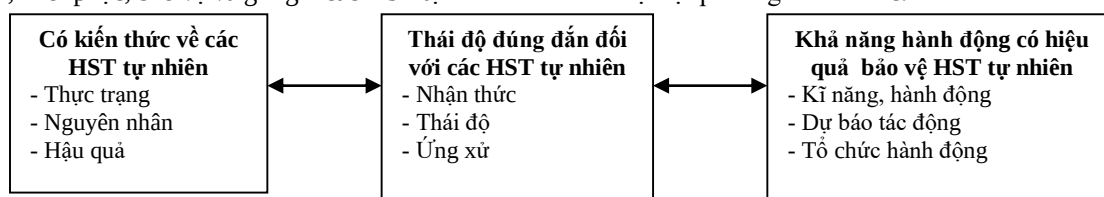
nhiên Sơn Trà nằm trong vùng khí hậu III đồng bằng duyên hải và hải đảo, có khí hậu nhiệt đới gió mùa. Do đặc điểm đất, khí hậu thuận lợi đã tạo nên HST tự nhiên điển hình là kiểu rừng kín thường xanh mưa mùa nhiệt đới. Sơn Trà có số loài thực vật chiếm khoảng 14% so với cả nước, là nơi giao lưu của cả hai luồng thực vật phía Bắc và phía Nam nên có tính đa dạng sinh học cao về thành phần loài. Đối với sinh vật rừng, tổng số ghi nhận được nhập vào cơ sở dữ liệu là 4.919 ghi nhận của 1.826 loài trong đó thực vật rừng có tổng cộng 2.628 ghi nhận của 1.404 loài (63 loài nấm và 1.341 loài thực vật) và động vật rừng và cá nước ngọt có 2.291 ghi nhận của 422 loài. Đặc biệt bán đảo Sơn Trà là nơi cư trú của loài linh trưởng quý hiếm Voọc chà vá chân nâu (*Pygathrix nemaeus*), đây là loài ở mức bảo tồn nguy cấp EN trong sách đỏ Việt Nam cũng như trên toàn cầu (IUCN Red List) và được pháp luật Việt Nam bảo vệ (Chính phủ, 2019). Có thể thấy, HST tại bán đảo Sơn Trà có vai trò cực kì quan trọng đối với phát triển bền vững và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu ở TP. Đà Nẵng. Với diện tích hơn 4.000 ha rừng tự nhiên, khu bảo tồn này là nguồn dự trữ carbon quý giá, giúp điều tiết khí hậu, chống xói mòn, bảo vệ nguồn nước và lưu trữ carbon hiệu quả. Rừng và đa dạng sinh học ở Sơn Trà còn cung cấp các dịch vụ môi trường thiết yếu như thụ phấn cho cây trồng nông nghiệp, hỗ trợ du lịch sinh thái và bảo vệ ĐVHD quý hiếm như Voọc chà vá chân nâu. HST này không chỉ bảo vệ môi trường mà còn tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển KT-XH của thành phố (Đặng Huy Huỳnh, n.d).

Tuy nhiên, Sơn Trà gặp một số ảnh hưởng tiêu cực, một trong những tác động đáng kể đến khu hệ động vật là hoạt động của con người, bao gồm mở rộng du lịch, khai thác tài nguyên và đô thị hóa. Những yếu tố này dẫn đến mất môi trường sống, chia cắt sinh cảnh và làm suy giảm quần thể của nhiều loài động vật, đặc biệt là các loài quý hiếm như Voọc chà vá chân nâu - biểu tượng bảo tồn của Sơn Trà. Ngoài ra, biến đổi khí hậu và xâm lấn của loài ngoại lai cũng là những mối đe dọa đáng kể, ảnh hưởng đến cân bằng sinh thái và sự sống còn của các loài bản địa (Hoàng Minh Đức, 2017). Do đó, công tác bảo vệ, bảo tồn và làm giàu số lượng cũng như chất lượng của khu bảo tồn thiên nhiên Sơn Trà, đặc biệt là bảo vệ ĐVHD trong khu vực này trở nên cần thiết và quan trọng đối với thành phố. Đây là cơ sở sát thực nhất để trả lời tại sao cần thiết phải giáo dục thể hệ SV Khoa Du lịch, Trường Đại học Đông Á và thanh niên tại TP. Đà Nẵng về việc bảo vệ HST tự nhiên và ĐVHD tại Sơn Trà.

2.3. Mục tiêu và nguyên tắc giáo dục bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên và động vật hoang dã

2.3.1. Mục tiêu

Trước hết giáo dục phải làm cho SV và tầng lớp thanh niên: (1) Có nhận thức đầy đủ, sâu sắc về bản chất và vai trò của các HST tự nhiên và ĐVHD đối với sự cân bằng thiên nhiên và đời sống phát triển của con người; sự nhạy cảm đối với mọi khía cạnh của môi trường và những vấn đề liên quan đến môi trường; (2) Thu nhận được những thông tin và kiến thức cơ bản về các HST tự nhiên và sự phụ thuộc lẫn nhau giữa hoạt động của con người và các HST tự nhiên; những hậu quả của con người gây ra cho chính mình trong tác động với các HST tự nhiên; (3) Hình thành và thúc đẩy thái độ tích cực của SV đối với thiên nhiên, khuyến khích ý thức trân trọng, bảo vệ và sử dụng bền vững các HST tự nhiên và ĐVHD; (4) Phát triển những kĩ năng, hành vi bảo vệ các HST tự nhiên và ĐVHD; kĩ năng dự đoán, phòng tránh và giải quyết những vấn đề môi trường nảy sinh; (5) Tham gia tích cực vào các hoạt động tuyên truyền, khôi phục, bảo vệ và giữ gìn các HST tự nhiên và ĐVHD tại địa phương và cả nước.



Sơ đồ 1. Sơ đồ các mục tiêu về giáo dục bảo vệ các HST tự nhiên

2.3.2. Nguyên tắc

Giáo dục bảo vệ các HST tự nhiên và ĐVHD dựa trên 3 nguyên tắc cơ bản sau: (1) Giáo dục về các HST tự nhiên: là bằng các hình thức, phương pháp cung cấp những kiến thức cơ bản, thực tế về các HST tự nhiên, mối quan hệ giữa các HST tự nhiên và con người; ảnh hưởng của con người lên các HST tự nhiên và hậu quả tác động,...; (2) Giáo dục trong HST tự nhiên: là sử dụng các HST tự nhiên của địa phương như một nguồn lực cho dạy học, coi các HST tự nhiên là một phòng thí nghiệm tự nhiên, cung cấp những kiến thức, kĩ năng cập nhật về những biến động, thay đổi của các HST tự nhiên và ảnh hưởng của nó đến sự phát triển và đời sống của người dân địa phương; Làm cho SV và tầng lớp thanh niên nhận thấy giá trị của các HST tự nhiên và ĐVHD đối với chất lượng cuộc sống, sức khỏe và hạnh phúc của con người; (3) Giáo dục vì môi trường và các HST tự nhiên: hình thành được ý thức, sự quan

tâm thực sự của tầng lớp SV đối với các vấn đề về các HST rừng, chất lượng môi trường tự nhiên, nhận rõ trách nhiệm của mỗi người đối với việc bảo vệ môi trường tự nhiên, cụ thể là các HST tự nhiên và ĐVHD.

2.4. Đề xuất một số biện pháp giáo dục bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên và động vật hoang dã ở khu bảo tồn thiên nhiên Sơn Trà cho sinh viên khoa Du lịch, trường Đại học Đông Á

Trong bối cảnh hiện nay, việc giáo dục cho SV hiểu biết đầy đủ để trân trọng và bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ ĐVHD là điều rất cần thiết và cấp bách. Kinh nghiệm về giáo dục bảo vệ các HST tự nhiên và ĐVHD cho SV Khoa Du lịch, Trường Đại học Đông Á, chúng tôi đề xuất một số biện pháp giáo dục bảo vệ HST tự nhiên và ĐVHD của khu bảo tồn thiên nhiên Sơn Trà cho SV như sau:

- *Tích hợp các kiến thức về HST tự nhiên và ĐVHD vào các học phần có nội dung phù hợp cho các ngành đào tạo của Khoa Du lịch:* Trong chương trình đào tạo ngành Du lịch và nhiều ngành nghề khác, các môn học về tự nhiên và HST tự nhiên vẫn còn hạn chế, khiến SV khó có thể hiểu sâu về môi trường tự nhiên. Tuy nhiên, có nhiều môn học, học phần có liên quan hoặc có thể liên kết với nội dung về HST tự nhiên, đặc biệt là khu bảo tồn thiên nhiên Sơn Trà. Các ngành như Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và Dịch vụ ăn uống có thể tích hợp những kiến thức này vào các học phần như: Tổng quan du lịch, Địa lí du lịch, Du lịch sinh thái, Du lịch bền vững, Tài nguyên du lịch, Văn hóa ẩm thực,... Trong những môn học này, giảng viên có thể dễ dàng lồng ghép các nội dung về HST tự nhiên và ĐVHD, như: vai trò của khu bảo tồn thiên nhiên và ĐVHD đối với du lịch sinh thái, mối quan hệ giữa con người và HST, tác động của các hoạt động con người (sản xuất, du lịch, sinh sống) đối với HST và ĐVHD, những hậu quả của việc tác động quá mức làm thay đổi môi trường và các loài ĐVHD, sự cần thiết phải bảo vệ khu bảo tồn và ĐVHD ở khu vực này.

Sự tích hợp này sẽ giúp SV hiểu được những kiến thức cơ bản về các HST tự nhiên và ĐVHD, làm cơ sở quan trọng hình thành ý thức, thái độ và hành vi.

- *Tổ chức các hoạt động trải nghiệm thực tế trong các HST tự nhiên:* Trong quá trình 4 năm đào tạo, SV được tham gia nhiều hoạt động trải nghiệm cả trong chương trình chính khóa và ngoại khóa, giảng viên có nhiều cơ hội vừa tích hợp truyền thụ kiến thức, nhưng quan trọng hơn là tạo điều kiện để SV được hòa nhập vào thực tế, được tận mắt kiểm chứng hiện thực, hiện trạng các HST tự nhiên và môi trường, từ đó tác động đến ý thức, thái độ và hành vi của SV đối với môi trường.

Trong đào tạo du lịch, chương trình tạo nhiều cơ hội để SV có điều kiện để tham gia các hoạt động trải nghiệm thực tế như: (1) Chương trình bao gồm 15 tiết kiến tập thực địa, tạo điều kiện cho SV tham gia trải nghiệm thực tế kéo dài từ 3-7 ngày. Sinh viên có cơ hội đến thăm nhiều địa điểm du lịch khác nhau, đặc biệt là các khu du lịch sinh thái tự nhiên, vườn quốc gia, khu bảo tồn và trạm cứu hộ ĐVHD. Những chuyến đi này giúp giảng viên đặt ra các vấn đề về môi trường và HST tự nhiên, khuyến khích SV quan sát, cảm nhận và phân tích thực tế bằng mọi giác quan. Qua đó, SV có thể đề xuất ý tưởng và hành động thiết thực để giải quyết các vấn đề môi trường, hướng đến phát triển xã hội và du lịch bền vững; (2) Trong quá trình học tập, SV được tổ chức nhiều sự kiện, nhiều hoạt động xã hội thiện nguyện,... Đây cũng là cơ hội rất tốt để có thể giáo dục ý thức thái độ và hành vi bảo vệ môi trường và các HST tự nhiên cho SV.

- *Tổ chức các chương trình tập huấn theo chủ đề trong hoạt động ngoại khóa, hoạt động sự kiện của SV:* Các khoa chuyên môn, kết hợp với tổ chức đoàn thể của khoa và trường, tổ chức các chương trình tập huấn mang tính chủ đề. Những chương trình này là những hoạt động thực tế, nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ ĐVHD và thiên nhiên, đồng thời hướng tới việc bảo vệ môi trường. Đây cũng là cơ hội để SV phát huy tính năng động, sáng tạo, chia sẻ những kinh nghiệm và kiến thức thực tiễn có giá trị về bảo vệ thiên nhiên và ĐVHD. Các chủ đề tập huấn quan trọng bao gồm: (1) Chủ đề “Tìm hiểu pháp luật về bảo vệ ĐVHD”: Mục tiêu của chủ đề này là giúp SV hiểu rõ về các quy định pháp luật liên quan đến bảo vệ ĐVHD và nâng cao nhận thức pháp lí, qua đó trang bị những kiến thức thực tiễn về các biện pháp bảo vệ ĐVHD; (2) Chủ đề “Bảo tồn các HST tự nhiên và bảo vệ ĐVHD”: Chủ đề này giúp SV hiểu được vai trò thiết yếu của các HST tự nhiên và ĐVHD, nhận thức về nguy cơ tuyệt chủng của các loài, đồng thời khuyến khích SV đưa ra những giải pháp sáng tạo và thiết thực trong công tác bảo vệ HST và ĐVHD; (3) Chủ đề “Thay đổi thói quen để sống theo cách sống xanh”: Trước những chiến dịch toàn cầu như 350 và Ride Planet Earth, chủ đề này giúp SV nhận thức về “Sống xanh” và thay đổi thói quen sinh hoạt hằng ngày nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường. Những hành động đơn giản như sử dụng phương tiện giao thông công cộng, đi bộ, đi xe đạp, chia sẻ xe để tiết kiệm nhiên liệu, tận dụng ánh sáng tự nhiên, sử dụng bóng đèn tiết kiệm điện, hạn chế sử dụng túi nilon, ăn chay 1-2 bữa mỗi tuần và tránh sử dụng thực phẩm từ ĐVHD là những thay đổi có thể giúp SV sống thân thiện và bền vững hơn với môi trường và HST tự nhiên. Các SV cần nhận thức rằng chỉ cần thay đổi

một chút trong thói quen sống hằng ngày và kiên quyết hành động, chúng ta có thể đóng góp vào việc bảo vệ môi trường và duy trì sự bền vững của HST và ĐVHD.

- *Thành lập các đội truyền thông tuyên truyền trong SV về bảo vệ khu bảo tồn và ĐVHD trong khu bảo tồn cho cộng đồng dân cư:* Việc tuyên truyền bảo vệ HST tự nhiên của khu bảo tồn và ĐVHD là rất quan trọng và cần được chú trọng. Các hoạt động tàn phá môi trường, sử dụng tài nguyên thiên nhiên bừa bãi, hoạt động du lịch ô ạt, tiếp cận, săn bắt, buôn bán ĐVHD, các hành động gây ô nhiễm môi trường,... của cư dân và du khách cần được tuyên truyền, giáo dục cụ thể, có kiểm tra, kiểm soát để bảo vệ HST tự nhiên và ĐVHD trong khu bảo tồn là rất cần thiết và cấp bách. Có nhiều hình thức truyền thông, tuyên truyền giáo dục như: (1) Sử dụng rộng rãi và triệt để việc tuyên truyền trên các trang Facebook, Zalo, Messenger,... Bên cạnh đó, cần tạo một fanpage riêng để đưa tin, đưa hình ảnh, video, các ý kiến, tình cảm phản hồi về các vấn đề nổi cộm về thực trạng của khu bảo tồn, sự thay đổi của HST tự nhiên ở đây, sự suy giảm của các loại ĐVHD của địa phương, đặc biệt là Voọc chà vá chân nâu và các loài khác; (2) Tổ chức các workshop để chia sẻ, giao lưu, quảng bá về Khu bảo tồn thiên nhiên Sơn Trà và các loài ĐVHD tại đây; thu hút giới trẻ, cộng đồng dân cư trong trường và các khu vực xung quanh tham gia giao lưu chia sẻ,... Nội dung của các buổi workshop có thể gồm: giới thiệu về đẹp của khu bảo tồn thiên nhiên Sơn Trà, vai trò, ý nghĩa của khu bảo tồn này đối với người dân địa phương, đối với hoạt động du lịch, đối với cảnh quan và khí hậu của thành phố; những hành động tàn phá tự nhiên ở đây; những hậu quả đến với địa phương và thành phố khi HST tự nhiên này bị suy giảm hoặc mất đi; một số hành động đúng đắn tốt đẹp của người dân và du khách đối với việc giữ gìn, bảo vệ khu bảo tồn và ĐVHD trong khu bảo tồn,...; (3) Tổ chức các buổi triển lãm nhỏ lưu động SOS: Khi cần thiết và cấp bách phải bảo vệ HST tự nhiên hoặc các loài ĐVHD như: Voọc chà vá chân nâu, khi đuôi dài và một số loài khác. Triển lãm lưu động SOS là đem đến cho SV và cộng đồng những thông tin bổ ích về hiện trạng của khu bảo tồn này và việc săn bắt, tiêu thụ các sản phẩm ĐVHD của khu bảo tồn, kêu gọi cộng đồng cùng chung tay bảo vệ bằng chính các hành động của mình.

Hiệu quả của công tác giáo dục bảo vệ HST tự nhiên và ĐVHD trong khu bảo tồn thiên nhiên Sơn Trà là tạo cho SV những hành vi tốt vì môi trường tự nhiên, bắt đầu từ những việc làm nhỏ nhất hằng ngày ở nơi ở, nơi học như: giữ vệ sinh nhà ở, trường, lớp, tiết kiệm điện, nước, trồng, chăm sóc và bảo vệ cây xanh, không tiêu dùng các sản phẩm từ các loài ĐVHD, biết phân loại rác và có ý tưởng sáng tạo tái chế rác. SV còn chủ động giám sát, nhắc nhở lẫn nhau và khuyến khích các hành vi bảo vệ môi trường, hướng đến một lối sống thân thiện với thiên nhiên. Mục tiêu dài hạn là tuyên truyền và vận động cộng đồng dân cư và du khách nâng cao ý thức, thái độ và hành vi đúng đắn đối với khu bảo tồn thiên nhiên Sơn Trà, đồng thời ngăn ngừa các hành động gây hại cho HST tự nhiên và ĐVHD.

3. Kết luận

Nghiên cứu này đã chỉ ra tầm quan trọng của việc giáo dục bảo vệ HST tự nhiên và ĐVHD cho SV Khoa Du lịch, Trường Đại học Đông Á, đặc biệt tại khu bảo tồn thiên nhiên Sơn Trà. Các biện pháp giáo dục như tích hợp kiến thức vào các học phần chuyên ngành, tổ chức hoạt động trải nghiệm thực tế và các chương trình tập huấn đã giúp SV nhận thức rõ hơn về giá trị bảo vệ môi trường. Việc thực hiện các chiến dịch tuyên truyền và giáo dục cộng đồng cũng đóng góp vào việc bảo vệ và duy trì sự bền vững của khu bảo tồn. Đây là những hành động cần thiết để nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho thế hệ trẻ, góp phần vào công cuộc bảo tồn thiên nhiên tại Sơn Trà.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2024). *Quyết định số 816/QĐ-BNN-KL ngày 20/3/2024 công bố hiện trạng rừng toàn quốc năm 2023*.
- Brooks-Moizer, F., Robertson, S. I., Edmunds, K., & Bell, D. (2009). Avian influenza H5N1 and the wild bird trade in Hanoi, Vietnam. *Ecology and Society*, 14(1), 28. <http://www.jstor.org/stable/26268028>
- Challender, D. W., Heinrich, S., Shepherd, C. R., & Katsis, L. K. (2020). *International trade and trafficking in pangolins, 1900-2019*. In pangolins (pp. 259-276). Academic Press.
- Chính phủ (2019). *Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp*.
- Đặng Huy Huỳnh (n.d). *Bảo vệ rừng và đa dạng sinh học khu bảo tồn thiên nhiên bán đảo Sơn Trà vì phát triển bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu cho thành phố Đà Nẵng*. https://nature.org.vn/wp-content/uploads/2017/07/210717_ThamluanDangHuyHuynh.pdf
- Dinerstein, E., Olson, D., Joshi, A., Vynne, C., Burgess, N. D., Wikramanayake, E., ... & Saleem, M. (2017). An ecoregion-based approach to protecting half the terrestrial realm. *BioScience*, 67(6), 534-545.

- Hoàng Minh Đức (2017). *Nghiên cứu bảo tồn, phục hồi đa dạng sinh học các hệ sinh thái trên cạn và dưới nước tại khu bảo tồn thiên nhiên Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng*. <https://www.vista.gov.vn:443/vi/news/ket-qua-nghien-cuu-trien-khai/nghien-cuu-bao-ton-phuc-hoi-da-dang-sinh-hoc-cac-he-sinh-thai-tren-can-va-duoi-nuoc-tai-khu-bao-ton-thien-nhien-son-tra-thanh-pho-da-nang-5516.html>
- Janssen, J., & Indenbaum, R. A. (2019). Endemic Vietnamese reptiles in commercial trade. *Journal of Asia-Pacific Biodiversity*, 12(1), 45-48.
- Kideghesho, J. R., Nyahongo, J. W., Hassan, S. N., Tarimo, T. C., & Mbije, N. E. (2006). Factors and ecological impacts of wildlife habitat destruction in the Serengeti ecosystem in northern Tanzania. *African Journal of Environmental Assessment and Management*, 11, 17-32.
- Myers, N., Mittermeier, R. A., Mittermeier, C. G., Da Fonseca, G. A., & Kent, J. (2000). Biodiversity hotspots for conservation priorities. *Nature*, 403(6772), 853-858.
- Myers, S. S., Gaffikin, L., Golden, C. D., Ostfeld, R. S., H. Redford, K., H. Ricketts, T., ... & Osofsky, S. A. (2013). Human health impacts of ecosystem alteration. *Proceedings of the National Academy of Sciences*, 110(47), 18753-18760.
- Ngo, D. T., Le, A. V., Le, H. T., Stas, S. M., Le, T. C., Tran, H. D., ... & Spracklen, D. V. (2020). The potential for REDD+ to reduce forest degradation in Vietnam. *Environmental Research Letters*, 15(7), 074025. <https://doi/10.1088/1748-9326/ab905a>
- Nguyễn Đình Giáp, Đoàn Thị Thu Hương (2021). Giải pháp phục hồi hệ sinh thái và đa dạng sinh học cho Việt Nam. *Tạp chí Nghiên cứu Địa lý nhân văn*, 4(35), 81-89.
- Nguyễn Việt Thanh, Nguyễn Ngọc Cần, Dương Văn Khánh, Trần Minh Sang (2021). Xây dựng ý thức bảo vệ môi trường cho sinh viên các trường đại học ở Việt Nam hiện nay. *Tạp chí Khoa học quản lý giáo dục*, 2(30), 13-22.
- Phạm Hồng Long (2016). *Phát triển du lịch sinh thái bền vững ở các vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên Việt Nam*. Kì yếu Hội thảo quốc tế “Phát triển du lịch bền vững: Vai trò của nhà nước, doanh nghiệp và cơ sở đào tạo”. NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, tr 117-132.
- Sattar, Q., Maqbool, M. E., Ehsan, R., Akhtar, S., Sattar, Q., & Maqbool, M. E. (2021). Review on climate change and its effect on wildlife and ecosystem. *Open J Environ Biol*, 6(1), 008-014.
- Thủ tướng Chính phủ (1977). *Quyết định số 41-TTg ngày 24/01/1977 về việc quy định các khu rừng cấm*.
- Trần Huy Hoàng, Nguyễn Thị Hào, Vương Hồng Hạnh (2024). Kinh nghiệm quốc tế về giáo dục bảo tồn động vật hoang dã và một số khuyến nghị. *Tạp chí Giáo dục*, 24(17), 59-64.
- Trần Thị Mỹ (2024). Giải pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ở Việt Nam. *Tạp chí Quản lý nhà nước*, 343, 19-23.
- Tuyet, D. (2001). Characteristics of karst ecosystems of Vietnam and their vulnerability to human impact. *Acta Geologica Sinica-English Edition*, 75(3), 325-329.
- Van Khuc, Q., Tran, B. Q., Meyfroidt, P., & Paschke, M. W. (2018). Drivers of deforestation and forest degradation in Vietnam: An exploratory analysis at the national level. *Forest policy and Economics*, 90, 128-141.